

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 169/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08-7-2024

V/v tranh chấp về ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Ông Nguyễn Nam Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Kim T; địa chỉ: C, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc H; nơi thường trú: Số F Quốc lộ E, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Nhà nước Cô-ôét. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Phạm Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng ngày 15 tháng 5 năm 2003. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian cho đến khi anh H đi ra nước ngoài (tôi chỉ biết là nhà nước Cô-ôét nhưng không rõ địa chỉ cụ thể), vợ chồng không có thời gian gần gũi, chia sẻ với nhau về mặt tình cảm cũng như những khó khăn trong công việc và trong cuộc

sống. Anh H không liên lạc về với chị T, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, chị T đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh Phạm Ngọc H.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Phạm Phương Q, sinh ngày 04/10/2005 và cháu Phạm Thị Ngọc Q1, sinh ngày 22/10/2003. Các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Ngọc H không có ý kiến trình bày.

Theo Biên bản xác minh ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại tổ dân phố C, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng nơi chị T và anh H từng chung sống:

Chị T và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại số F Quốc lộ E, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng. Chị T và anh H có mâu thuẫn gì không thì địa phương không nắm được; nhưng không đánh cãi, chửi nhau gây ảnh hưởng đến làng xóm. Anh chị có hai con chung là cháu Phạm Phương Q, sinh ngày 04/10/2005 và cháu Phạm Thị Ngọc Q1, sinh ngày 22/10/2003. Các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động. Về địa chỉ của anh Phạm Ngọc H, địa phương chỉ nắm được thông tin anh H đi lao động tại Nhà nước Cô-oét, địa chỉ cụ thể địa phương không nắm được. Nay chị T có đơn đề nghị ly hôn, đề nghị Toà án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự về cơ bản đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T và anh Phạm Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Anh H sang nước ngoài sinh sống và làm việc, đến nay chưa trở về Việt Nam; vợ chồng cũng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau, gia đình không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu của chị T xin ly được ly hôn với anh H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Phạm Phương Q, sinh ngày 04/10/2005 và cháu Phạm Thị Ngọc Q1, sinh ngày 22/10/2003. Các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp về ly thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh [Phạm Ngọc H](#) đang cư trú tại nước ngoài (theo lời khai của mẹ đẻ của anh [Phạm Ngọc H](#) và chị [Nguyễn Thị Kim T](#)). Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo thông tin do [Cục Q2](#) - [Bộ C](#) cung cấp thì không có thông tin cấp hộ chiếu, xuất nhập cảnh tại [Cục Q2](#) của anh [Phạm Ngọc H](#). Nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim T](#) chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh [H](#), không cung cấp được địa chỉ của anh [Phạm Ngọc H](#) ở nước ngoài.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã hai lần gửi thông báo yêu cầu mẹ đẻ của anh [H](#) là bà [Trần Thị M](#) cung cấp thông tin về địa chỉ tại nước ngoài của anh [H](#) và thông báo cho anh biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị [T](#) và anh [H](#). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc trực tiếp với bà [M](#) thì được bà cung cấp như sau: Anh [Phạm Ngọc H](#) sau khi đi xuất khẩu lao động tại Nhà nước Cô-oét vẫn liên lạc về với gia đình và với chị [T](#) nhưng không thường xuyên. Nhưng gia đình từ chối cung cấp địa chỉ của anh [H](#) ở nước ngoài cho Tòa án do muốn anh [H](#) ổn định làm ăn, không vướng bận gì. Như vậy, cần coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào hướng dẫn nêu trên, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên toà, nguyên đơn là chị [Nguyễn Thị Kim T](#) vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh [Phạm Ngọc H](#) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Phạm Ngọc H](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại [UBND phường H](#), [quận H](#), [thành phố Hải Phòng](#) ngày 15 tháng 5 năm 2003 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Sau đó, anh [H](#) xuất khẩu lao động tại nước ngoài. Xét, chị [T](#) và anh [H](#) hiện mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị [Nguyễn Thị](#)

[Kim T](#) xin được ly hôn với anh [Phạm Ngọc H](#) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị [T](#) và anh [H](#) có hai con chung là cháu [Phạm Phương Q](#), sinh ngày 04/10/2005 và cháu [Phạm Thị Ngọc Q1](#), sinh ngày 22/10/2003. Các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động; chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 37, 39, 147, 228, 235, 238, 273, 469 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị [Nguyễn Thị Kim T](#) ly hôn anh [Phạm Ngọc H](#).

2. Về con chung: Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) và anh [Phạm Ngọc H](#) có hai con chung là cháu [Phạm Phương Q](#), sinh ngày 04/10/2005 và cháu [Phạm Thị Ngọc Q1](#), sinh ngày 22/10/2003. Các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động; chị [T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0000262 ngày 26 tháng 3 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị [Nguyễn Thị Kim T](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (đăng ký ngày 15/5/2003);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang